

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN  
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2017  
QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30)**

- Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/12/2012 hướng dẫn về việc thành lập, tổ chức & hoạt động của công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2016;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/12/2012 hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được thông qua ngày 5/4/2016;
- Danh sách nhà đầu tư Quỹ ETF VFMVN30 chốt ngày 23/02/2018 để xin ý kiến bằng văn bản;
- Quy chế biểu quyết bằng văn bản của Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2017.
- Các phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản mà Công ty quản lý quỹ nhận được.

**I. Thời gian địa điểm:**

- Thời gian kiểm phiếu: Từ 09g ngày 11/04/2018 đến 17g30 ngày 13/04/2018.
- Địa điểm: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**II. Tên quỹ đầu tư: QUỸ ETF VFMVN30 (E1VFN30)**

- Giấy phép thành lập số: 14/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 18/09/2014.
- Địa chỉ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

**III. Thành phần Ban kiểm phiếu:**

**1. Ban kiểm phiếu**

- Bà Nguyễn Bội Hồng Lệ- Chủ tịch Ban đại diện quỹ- Trưởng ban
- Ông Trần Thanh Tân- Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ- Thành viên Ban kiểm phiếu.
- Bà Trương Hoàng Yến- Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam- Thành viên Ban kiểm phiếu.

**2. Giám sát kiểm phiếu:**

- Bà Vũ Hương Giang- Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam.

**3. Thư ký kiểm phiếu:**

- Bà Trần Ngọc Hân- Công ty quản lý quỹ.

**IV. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết:** thông qua các vấn đề cần được biểu quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2017 Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30).

**V. Ban kiểm phiếu kiểm phiếu theo những nguyên tắc sau:**

- 1. Tổng số phiếu phát ra:** là tổng số phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ gửi đến Nhà đầu tư của quỹ theo danh sách chốt ngày 23/02/2018.
- 2. Tổng số phiếu thu về:** là tổng số phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư gửi về Công ty quản lý quỹ để thể hiện ý kiến của mình về nội dung và ý kiến.
- 3. Thời gian lấy ý kiến nhà đầu tư:** từ ngày 27/03/2018 đến 17g30 ngày 09/04/2018.
- 4. Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Nhà đầu tư thể hiện ý kiến của mình trên phiếu biểu quyết thông qua lựa chọn một trong các lựa chọn “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết:
  - Phiếu biểu quyết do Công ty quản lý quỹ gửi đến nhà đầu tư;
  - Phiếu không bị tẩy xóa, sửa chữa, thay đổi nội dung;
  - Phiếu biểu quyết được ký bởi chủ sở hữu đơn vị quỹ hoặc người ủy quyền đã đăng ký với Công ty quản lý quỹ hoặc người ủy quyền hợp lệ theo quy định của pháp luật.
  - Phiếu biểu quyết được gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư.
- 5. Ý kiến biểu quyết hợp lệ:** ý kiến biểu quyết hợp lệ khi nhà đầu tư chỉ đánh dấu duy nhất một lựa chọn “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” đối với nội dung lấy ý kiến.
- 6. Kết quả kiểm phiếu:** được tổng hợp trên phiếu biểu quyết hợp lệ của nhà đầu tư.
- 7. Biểu quyết thông qua & Biểu quyết không thông qua:**  
Ý kiến biểu quyết “Đồng ý” thì được xem là biểu quyết thông qua. Ý kiến biểu quyết “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” thì được xem là biểu quyết không thông qua
- 8. Không tham gia biểu quyết:**  
Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư đã được gửi đến nhà đầu tư nhưng bị hoàn trả về do địa chỉ nhà đầu tư đăng ký không chính xác, hoặc các phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư được gửi về Công ty quản lý quỹ theo địa chỉ đã thông báo nhưng sau thời hạn ngày nhận cuối cùng; hoặc các phiếu nhà đầu tư không gửi về thì được xem là không tham gia biểu quyết các nội dung lấy ý kiến.

**VI. Kết quả kiểm phiếu như sau:**

- 1. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đến nhà đầu tư:** 702 phiếu biểu quyết cho 702 nhà đầu tư theo danh sách chốt ngày 23/02/2018.
- 2. Tổng số phiếu biểu quyết nhận được của nhà đầu tư:**  
Đến 17g30 ngày 09/04/2018, Công ty quản lý quỹ đã nhận được 08 phiếu biểu quyết, đại diện cho 251,660,960.00 đơn vị quỹ, chiếm 84.48% số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách. Trong đó:
  - 08 phiếu gửi về Công ty quản lý quỹ trong thời hạn xác định tại Phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư. Trong đó,
    - + Phiếu biểu quyết hợp lệ: 07 phiếu, trong đó có 06 Phiếu biểu quyết được gửi bằng thư, 00 Phiếu được gửi bằng Fax, 01 Phiếu biểu quyết được gửi bằng e-mail.
    - + Phiếu biểu quyết không hợp lệ: 01 phiếu, trong đó có 00 Phiếu biểu quyết được gửi bằng thư, 00 Phiếu được gửi bằng Fax, 01 Phiếu biểu quyết được gửi bằng e-mail.
  - 694 phiếu không tham gia biểu quyết, bao gồm: (i) bị hoàn trả về do địa chỉ nhà đầu tư đăng ký không chính xác; (ii) Nhà đầu tư không gửi phiếu tham gia biểu quyết.

## VII. Kết quả biểu quyết:

### 1. Thông qua Kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017:

- Kết thúc ngày 31/12/2017, giá trị tài sản ròng/chứng chỉ quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 đạt 16,105.1 đồng, tăng 58,3% so với giá trị đầu năm so với chỉ số tổng thu nhập VN30 có mức tăng trưởng cùng kỳ 59,0%.
- Mức chênh lệch về tăng trưởng của Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 đạt 0,7%. Mức sai lệch (Tracking Error) giữa Quỹ và chỉ số tổng thu nhập VN30 ở mức 0,24%.
- Vào tháng Một và tháng Bảy năm 2017, Quỹ ETF VFMVN30 đã thực hiện việc cơ cấu danh mục đầu tư. Trung bình mỗi lần cơ cấu danh mục tổng giá trị mua và giá trị bán chiếm khoảng 31% tổng giá trị danh mục.
- Trong năm 2017, tổng số huy động ròng của Quỹ ETF VFMVN30 đạt gần 1,800 tỷ đồng nâng tổng số chứng chỉ Quỹ lên 170.7 triệu chứng chỉ quỹ (số chứng chỉ quỹ tăng hơn 4 lần so với năm 2016).
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm 2017 tăng hơn 6 lần so với năm 2016. Sự tăng trưởng về giá trị tài sản ròng trong năm 2017 đến từ sự tham gia đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài vào Quỹ và phần tăng trưởng giá của thị trường.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

### 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

### 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Mục tiêu hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tổng hợp VN30 (chỉ số bao gồm cộng gộp cả cổ tức) cho nên Quỹ ETF VFMVN30 đề xuất năm 2017 Quỹ sẽ không thực hiện phân phối lợi nhuận nhằm tránh làm tăng mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

#### 4. Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ trong năm 2018

Để thực hiện mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ tiếp tục tập trung những điểm chính như sau:

- Theo dõi và cập nhật diễn biến về giá trị giao dịch, sự kiện doanh nghiệp các cổ phiếu cấu thành nên chỉ số tham chiếu để có những điều chỉnh tỷ trọng danh mục đầu tư bám sát tỷ trọng danh mục chỉ số.
- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số tham chiếu (nếu có) để có giải pháp quản lý danh mục mô phỏng đạt hiệu quả.
- Nghiên cứu các chiến lược quản lý danh mục hiệu quả khi chỉ số tham chiếu thay đổi định kỳ.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

#### 5. Thông qua việc Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2018

Hiện tại Công ty VFM nhận được bản chào giá từ 03 công ty kiểm toán hàng đầu Việt Nam với mức phí cho năm 2018 như sau:

| Quỹ         | NAV @ 31/12/2017 (tỷ VNĐ) | Phí Kiểm toán 2017 (triệu đồng) | Đề xuất cho năm 2018 (triệu đồng) |     |     |
|-------------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|-----|-----|
|             |                           |                                 | KPMG                              | PwC | E&Y |
| VFMVN30 ETF | 2,749                     | 90                              | 99                                | 165 | 108 |
| % thay đổi  |                           |                                 | 10%                               | 83% | 20% |

Ghi chú:

(1) Phí trên chưa bao gồm VAT.

(2) Theo Thông Tư 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015, kể từ năm 2016 báo cáo tài chính 6 tháng của Quỹ phải được soát xét bởi công ty kiểm toán.

Căn cứ trên bảng chào giá trên, VFM đề xuất Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2018.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2018 dựa trên:

- Tính liên tục của kiểm toán.
- Mức phí hợp lý.
- Tính chuyên nghiệp cao.
- Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

Đề xuất: Ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2018.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

#### 6. Thông qua Tổng ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2018

Đề xuất Ngân sách chi phí hoạt động Ban đại diện năm 2018 :

| STT        | Loại chi phí                       | Ngân sách         |                   |             |
|------------|------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
|            |                                    | 2018              | Thực tế 2017      | % tăng/giảm |
| <b>I</b>   | <b>Thù lao</b>                     | <b>58,500,000</b> | <b>58,500,000</b> | <b>0%</b>   |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí đi lại</b>              | -                 | -                 |             |
| 1          | Chi phí vé máy bay                 | -                 | -                 |             |
| 2          | Chi phí khách sạn                  | -                 | -                 |             |
| 3          | Chi phí đưa rước                   | -                 | -                 |             |
| <b>III</b> | <b>Chi phí khác (Phòng họp...)</b> | -                 | -                 | <b>0%</b>   |
|            | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>58,500,000</b> | <b>58,500,000</b> | <b>0%</b>   |

(% tăng/ giảm : là tỷ lệ % ngân sách mới 2018 được lập tăng/giảm so với thực tế 2017)

#### Ghi chú:

- Ngân sách 2018 dự kiến so với thực tế 2017 và được lập trên cơ sở sau:
  - Tất cả các số lần họp Ban Đại Diện được tổ chức qua conference call hoặc bằng văn bản
- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại Diện 2018 trên sẽ dùng cho 3 thành viên và 1 thư ký, với chi tiết thù lao của các thành viên BDD vẫn giữ nguyên như sau:
  - Chủ tịch BDD: Thù lao 2 triệu đồng/tháng

- Thành viên BDD: Thù lao 1 triệu đồng/tháng
  - Thư ký BDD: Thù lao 500 nghìn đồng/tháng
- Trong trường hợp số thành viên Ban Đại Diện tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

## 7. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30:

### 7.1. Cập nhật, bổ sung phần "Căn cứ pháp lý":

- **Bổ sung: Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;**
- **Cập nhật quy định mới: Thay thế Thông tư 213/2012/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;**
- **Cập nhật quy định mới: Thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán; và Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của "Quy chế hành nghề chứng khoán" được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bằng Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán.**
- **Bổ sung: Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán.**

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.2. Điều chỉnh, bổ sung phần “Các định nghĩa”:** điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật

|   |   |
|---|---|
| <b>“Giá dịch vụ”</b>                                      | <b>Sau đây có thể gọi là Phí.</b>   |
| “Giá phát hành lần đầu”                                   | Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu.<br>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm <b>phí giá dịch vụ</b> phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.  |
| “Giá giao dịch hoán đổi”                                  | Là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.<br>Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với <b>phí giá dịch vụ</b> phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.<br>Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi <b>phí giá dịch vụ</b> mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi. |
| <b>“Giá dịch vụ phát hành” hay gọi là “Phí phát hành”</b> | Là <b>phí giá dịch vụ</b> mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.<br><b>Phí Giá dịch vụ</b> này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. <b>Phí Giá dịch vụ</b> phát hành này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.  |
| <b>“Giá dịch vụ mua lại” hay gọi là “Phí mua lại”</b>     | Là <b>phí giá dịch vụ</b> mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.<br><b>Phí Giá dịch vụ</b> này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. <b>Phí Giá dịch vụ</b> mua lại này sẽ được quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.  |

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.3. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp): điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật**

**“ Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)**

...

- 9. Phí Giá dịch vụ** phát hành, **phí giá dịch vụ** mua lại:
- Phí Giá dịch vụ** phát hành: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. **Phí Giá dịch vụ** này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
    - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
    - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
    - **Phí Giá dịch vụ** phát hành áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.
  - Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. **Phí Giá dịch vụ** mua lại: là **phí giá dịch vụ** mà Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. **Phí Giá dịch vụ** này được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ.
    - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ được quy định tại Hợp đồng Thành viên lập quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
    - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với áp dụng đối với Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại Hợp đồng Tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
    - **Phí Giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Các mức **phí giá dịch vụ** cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. **Phí Giá dịch vụ** này sẽ được cân trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn **phí giá dịch vụ** mua lại thì Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát, được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
  - Việc điều chỉnh mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với Thành viên lập quỹ và Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ, Thành viên lập quỹ làm Tổ chức tạo lập thị trường.
  - Việc tăng mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi mức **phí giá dịch vụ** sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức **phí giá dịch vụ** mới trên trang thông tin điện tử của công ty.



- e. Trường hợp giảm mức **phí giá dịch vụ** phát hành và **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng đối với nhà đầu so với quy định tại Điều này, thời điểm áp dụng mức **phí giá dịch vụ** mới sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bản cáo bạch công bố về mức **phí giá dịch vụ** mới, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật mức **phí giá dịch vụ** mới này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội thường niên gần nhất.

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.4. Điều chỉnh Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi:** điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

**" Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi**

1. Giá phát hành lần đầu: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm **phí giá dịch vụ** phát hành quy định tại khoản 9 Điều 16 của Điều lệ này.
2. Giá giao dịch hoán đổi: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại.
  - a. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu đồng thời phát hành một lô chứng chỉ quỹ cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với **phí giá dịch vụ** phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.
  - b. Giá giao dịch hoán đổi mà Công ty quản lý quỹ mua lại một lô chứng chỉ quỹ đồng thời hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ **tính-sử dụng** tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi **phí giá dịch vụ** mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi."

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.5. Bổ sung Khoản 5 Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**“ Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư**

...

5. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức **giá dịch vụ**, phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 05                  | 249,053,010.00           | 83.60%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 02                  | 2,607,950.00             | 0.88%  |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000,00             | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.6. Bổ sung Điểm g Khoản 2 Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ**

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

...

- g. Được hưởng các khoản **giá dịch vụ**, phí được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.7. Bổ sung Khoản 3 Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ**

...

3. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại **giá dịch vụ**, phí và mức **giá dịch vụ**, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ này.”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.8. Bổ sung Điểm o Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát**

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

...

- o. Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào có liên quan đến nghiệp vụ giám sát, lưu ký của Ngân hàng đối với Quỹ (ngoài các khoản **giá dịch vụ**, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

...

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng giám sát được hưởng các loại **giá dịch vụ**, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ này và phù hợp với các quy định của pháp luật.”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.9. Bổ sung Điểm f Mục A Khoản 2 và phần định giá trái phiếu niêm yết trong Mục D Khoản 2 Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ: bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

1. ...

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

A. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

f. Các khoản mục thuế, **giá dịch vụ**, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;

...

D. Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

| STT | Loại tài sản        | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường  |
|-----|---------------------|--|
|     | <b>Trái phiếu</b>   |  |
| 3.  | Trái phiếu niêm yết | <p>- Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sở tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá);</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p> <p><b>- Trường hợp quỹ đấu thầu thành công trái phiếu, thì trong thời gian chờ niêm yết bổ sung, trái phiếu này sẽ được định giá dựa trên lãi suất trúng thầu gần nhất.</b></p> |

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| "Đồng ý"                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| "Không đồng ý"                 | 00                  | 00                       | 00   |
| "Không có ý kiến"              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.10. Điều chỉnh Khoản 1-2-3-7 Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả:** điều chỉnh "phí" thành "giá dịch vụ" cho phù hợp quy định pháp luật.

**" Điều 55. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả**

1. **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ

- **Phí Giá dịch vụ** quản lý quỹ là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. **Phí Giá dịch vụ** này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  
 Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% **phí giá dịch vụ** quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý quỹ là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- 2. **Phí Giá dịch vụ** lưu ký và giám sát
  - **Phí Giá dịch vụ** giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. **Phí Giá dịch vụ** được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
  - **Phí Giá dịch vụ** giám sát là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
  - **Phí Giá dịch vụ** lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức **phí giá dịch vụ** này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
  - Mức **phí giá dịch vụ** trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
  - Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  
 Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
  - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì **phí giá dịch vụ** giám sát, lưu ký là tổng số **phí giá dịch vụ** tại các kỳ định giá trong tháng.
- 3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ
  - Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
  - Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))
  - Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
  - Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  
 Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
  - Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.  
 Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)) trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức giá dịch vụ, phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.  
 Tổng **phí giá dịch vụ** Giám sát, Lưu ký, phí dịch vụ Quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/ bình quân gia quyền/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có))  
 Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.
  - ...
- 7. Các loại phí và lệ phí khác
  - ...

- Các loại **giá dịch vụ**, chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.11. Điều chỉnh Điểm a,b,c Khoản 1 Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ**

- Chi phí hoạt động của quỹ ETF bao gồm các khoản **giá dịch vụ**, phí, chi phí sau thuế dưới đây:
  - Phí Giá dịch vụ** quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
  - Phí Giá dịch vụ** lưu ký tài sản quỹ, **phí giá dịch vụ** giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
  - Phí dịch vụ quản trị quỹ, phí dịch vụ quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các **giá dịch vụ**, phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho VSD, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.12. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ: điều chỉnh “phí” thành “giá dịch vụ” cho phù hợp quy định pháp luật.**

**” Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ**

- Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng tối đa không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, **phí giá dịch vụ** quản lý, **phí giá dịch vụ** giám sát và các chi phí khác được thu theo **biểu giá dịch vụ**, biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ, giá trị tài sản ròng còn lại trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng

còn lại trên một chứng chỉ quỹ, danh mục tài sản còn lại chưa kịp phân phối cho nhà đầu tư theo mẫu quy định pháp luật hiện hành. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước kèm theo báo cáo về tài sản và báo cáo danh mục đầu tư của quỹ theo mẫu quy định của pháp luật hiện hành.”

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.13. Bổ sung Khoản 1 Điều 62 - Đăng ký điều lệ: cập nhật đăng ký điều lệ.**

**“Điều 62. Đăng ký điều lệ**

1. ...

***Điều lệ Quỹ được bổ sung và sửa đổi lần thứ tư bao gồm 16 Chương, 63 Điều và 03 Phụ lục theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2017 của Quỹ ETF VFMVN30 thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 13/04/2018 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/04/2018.***

|                                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”                       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý”                 | 00                  | 00                       | 00   |
| “Không có ý kiến”              | 00                  | 00                       | 00   |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01                  | 1,000,000                | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08                  | 251,660,960.00           | 84.48%   |

**7.14. Điều chỉnh Điểm 8- Phụ lục 2- Cam Kết Của Ngân Hàng Giám Sát: điều chỉnh cho phù hợp.**

**“PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**~~8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;~~**

|                | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ (%) số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|----------------|---------------------|--------------------------|--|
| “Đồng ý”       | 07                  | 250,660,960.00           | 84.14%   |
| “Không đồng ý” | 00                  | 00                       | 00   |

|                                |    |                |        |
|--------------------------------|----|----------------|--------|
| "Không có ý kiến"              | 00 | 00             | 00     |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | 01 | 1,000,000      | 0.34%  |
| Tổng cộng                      | 08 | 251,660,960.00 | 84.48% |

## 9. Các vấn đề đã được thông qua:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2017

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Quỹ

Điều 3: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động của Quỹ năm 2018

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán như đã đề xuất để thực hiện kiểm toán cho Quỹ năm 2018.

Điều 6: Thông qua Tổng ngân sách hoạt động trong năm 2018 của Ban đại diện quỹ

Điều 7: Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30:

- 7.1. Cập nhật, bổ sung phần "Căn cứ pháp lý".
- 7.2. Điều chỉnh, bổ sung phần "Các định nghĩa".
- 7.3. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 16. Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp).
- 7.4. Điều chỉnh Điều 18. Giá phát hành lần đầu và giá giao dịch hoán đổi.
- 7.5. Bổ sung Khoản 5 Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư.
- 7.6. Bổ sung Điểm g Khoản 2 Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ.
- 7.7. Bổ sung Khoản 3 Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.
- 7.8. Bổ sung Điểm o Khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của Ngân hàng giám sát.
- 7.9. Bổ sung Điểm f Mục A Khoản 2 và phần định giá trái phiếu niêm yết trong Mục D Khoản 2 Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- 7.10. Điều chỉnh Khoản 1-2-3-7 Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả.
- 7.11. Điều chỉnh Điểm a,b,c Khoản 1 Điều 56. Chi phí hoạt động của quỹ.
- 7.12. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể quỹ.
- 7.13. Bổ sung Khoản 1 Điều 62 - Đăng ký điều lệ.
- 7.14. Điều chỉnh Điểm 8- Phụ lục 2- Cam Kết Của Ngân Hàng Giám Sát.



Biên bản này được lập vào lúc 17h30 ngày 13/04/2018 và đã được Ban kiểm phiếu thông qua.

**Thư ký Ban kiểm phiếu**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Ngọc Hân**

**Trưởng Ban kiểm phiếu**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Bội Hồng Lệ**  
Chủ tịch Ban đại diện quỹ

**Giám sát kiểm phiếu**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**VŨ HƯƠNG GIANG**

**PHẦN DÀNH CHO CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU** Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Thanh Tân**

**Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam**

(Ký và ghi rõ họ tên)